

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2019/HNGĐ-PT

Ngày: 30-10-2019

V/v tranh chấp thay đổi người trực tiếp
nuôi con sau khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tư

Các Thẩm phán:

Ông Lê Thành Tân

Ông Triệu Quốc Hiếu

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Ni – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Ông Nguyễn Văn Bé
Tư – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét
xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2019/TLPT – HNGĐ ngày 08 tháng
10 năm 2019 về: “Tranh chấp thay đổi quyền nuôi con sau khi ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 53/2019/HNGĐ-ST ngày 28
tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm: 47/2019/QĐ-PT ngày 08
tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn A, sinh năm 1992; nơi cư trú: Tổ 09 ấp X, xã Y,
huyện Z, tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

- *Bị đơn:* Chị Bùi Thị Bích B, sinh năm 1993; nơi cư trú: Tổ 24, ấp X1, xã Y1,
huyện Z, tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

- *Do có kháng cáo của:* Anh Nguyễn Văn A – Là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/5/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là anh Nguyễn Văn A trình bày:*

Theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn của các đương sự số 41/2017/QĐST-HNGĐ ngày 30/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện Z, tỉnh Vĩnh Long, anh A và chị B thỏa thuận giao con chung tên Nguyễn Kế H, sinh ngày 19/02/2016 cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng, anh A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 575.000đồng, anh A có quyền tới lui trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Sau khi anh A giao con cho chị B nuôi dưỡng, anh A thực hiện đầy đủ nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên khi anh A đến thăm con thì chị B nhiều lần có hành vi ngăn cản. Hiện nay chị B không trực tiếp nuôi con mà giao con chung cho mẹ chị B trực tiếp nuôi dưỡng, anh A không rõ gia đình chị B có chăm sóc con tốt hay không, có cho con đi học hay không. Hiện nay anh A là thợ làm bánh có thu nhập ổn định khoảng 9.000.000đồng/tháng và có mở tiệm áo cưới, trang điểm cô dâu thu nhập bình quân là 4.000.000đồng/tháng; ngoài ra nhà anh A gần trường học, trạm y tế, chợ,... thuận lợi cho việc chăm sóc con. Nay anh A yêu cầu được trực tiếp nuôi con tên Nguyễn Kế H, sinh ngày 19/02/2016, chị B không phải cấp dưỡng nuôi con.

**Tại biên bản hòa giải ngày 02/7/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Bùi Thị Bích B trình bày:*

Hiện con chung giữa anh A và chị B tên Nguyễn Kế H, sinh ngày 19/02/2016 do chị B trực tiếp nuôi dưỡng đang sóc rất tốt; chị B đang sống với cha mẹ ruột tại Tổ 24, ấp X1, xã Y1, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long, chị không đi làm ở đâu xa. Chị và gia đình có tạo điều kiện cho anh A thăm con nhưng do con còn nhỏ nên chị chưa cho anh A rước con về nhà nội chơi. Hiện nay chị B có công việc ổn định thu nhập bình quân khoảng 1.500.000đồng/tháng; cha mẹ có cho chị 03 công đất hiện chị cho thuê là 12.000.000đồng/năm; nuôi 02 con dê cái, thu nhập bán dê con là 15.000.000đồng/năm; nuôi gà vịt thu nhập bình quân là 5.000.000đồng/năm. Nhận thấy bản thân có đủ điều kiện nuôi con nên chị không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh A, chị không đồng ý giao con Nguyễn Kế

Học, sinh ngày 19/02/2016 cho anh A nuôi dưỡng.

**Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 53/2019/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Z, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định như sau:*

Áp dụng các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 3 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 203 Luật đất đai năm 2013, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Điều 14, khoản 7, khoản 9 Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện thay đổi người trực tiếp nuôi con của anh Nguyễn Văn A.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 11/9/2019 nguyên đơn Nguyễn Văn A kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh A, yêu cầu chị B giao cháu Nguyễn Kế H, sinh ngày 19/02/2016 cho anh A được trực tiếp nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn Nguyễn Văn A giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu chị B giao cháu Nguyễn Kế H, sinh ngày 19/02/2016 cho anh A được trực tiếp nuôi dưỡng.

Bị đơn Bùi Thị Bích B đề nghị không chấp nhận kháng cáo của anh A, đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

Vị Kiểm sát viên - Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến về tính có căn cứ và hợp pháp việc kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Văn A; về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm; Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về phần bản án, quyết định sơ thẩm bị kháng cáo và đề nghị không chấp kháng cáo của nguyên đơn; Giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 11/9/2019 nguyên đơn Nguyễn Văn A kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn luật định. Nên đơn kháng cáo của anh A được xem xét theo thủ tục phúc thẩm theo quy định tại Điều 293 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Văn A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Kế Học, sinh ngày 19/02/2016. Hội đồng xét xử xét thấy: Anh A và chị B ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn của các đương sự số 41/2017/QĐST-HNGĐ ngày 30/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện Z, tỉnh Vĩnh Long, anh A và chị B thỏa thuận giao con chung tên Nguyễn Kế H, sinh ngày 19/02/2016 cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng. Nay anh A khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con vì anh A cho rằng chị B cản trở quyền thăm nom, chăm sóc con của anh A, ngoài ra chị B không đủ điều kiện nuôi con. Tuy nhiên anh A không cung cấp được chứng cứ chứng minh chị B không đủ điều kiện nuôi con, ngoài ra anh A cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh chị B và gia đình chị B có hành vi ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con của anh A, trong khi chị B không thừa nhận có cản trở quyền thăm con của anh A, cũng như chị B trình bày có đủ điều kiện kinh tế nuôi con như công việc ổn định, có thu nhập. Mặc khác, theo lời trình bày của chị B, hiện nay cháu Nguyễn Kế H đang phát triển tốt. Do đó, để đảm bảo cho cháu học có cuộc sống ổn định để phát triển toàn diện nên giao cho Học cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thống nhất không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Văn A, giữ nguyên án sơ thẩm.

[3] Về án phí phúc thẩm: Anh A phải chịu án phí phúc thẩm theo khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Quyết định khác của bản án sơ thẩm về án phí sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Văn A và giữ nguyên bản án số 53/2019/HNGĐ-ST ngày 28/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Z, tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn A về việc yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2. Về án phí phúc thẩm:

Buộc anh Nguyễn Văn A phải chịu 300.000đồng án phí phúc thẩm. Khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo lai thu số 0011161, ngày 11/9/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Z. Anh A đã nộp xong.

3. Quyết định khác của bản án sơ thẩm án phí sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC: 01;
- VKSNDTVL: 02;
- TNV: 01;
- TAND H.BT: 01;
- Chi cục H.BT: 01;
- Đ/s: 02;
- Lưu hồ sơ vụ án: 06.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Tư